| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HẬU GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 20 - 6 - 2023.
V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trương Đình Nghệ.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Phan Hoàng Ngoan.

2. Bà Lê Thị Tuyết Trinh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Tăng Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà:* Bà Dương Thanh Giềng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023, về "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị Lê N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

*2. Bị đơn*: Anh Ngô T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp Q, xã B, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Hiện tại đã xuất cảnh ở Hàn Quốc (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê N trình bày: Chị và anh Ngô T trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17 tháng 4 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Bhuyện V, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 chị và anh Ngô

T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến, tính tình không phù hợp. Nay chị Lê N yêu cầu được ly hôn với anh Ngô T.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Ngô V, sinh năm 2007 và cháu Ngô V1, sinh năm 2013. Hiện nay 02 con chung sống cùng với chị, sau khi ly hôn chị Nhân yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Nhân không có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê N khai không có.

Bị đơn anh Ngô T trình bày: Anh thống nhất với phần trình bày của chị Lê N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh đồng ý ly hôn với chị Lê N, đồng ý cho chị Lê N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu, trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự; và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận sự thuận tình ly hôn của đương sự, chị Lê N được quyền nuôi dưỡng 02 chung con; dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Ngô T. Về tài sản chung và nợ chung đương sự khai không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Lê N có địa chỉ tại ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang có đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Ngô T đang cư trú tại Hàn Quốc. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị Lê N và anh Ngô T có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê N và anh Ngô T trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17 tháng 4 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Bhuyện V, tỉnh Hậu Giang nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê N và anh Ngô T đều thừa nhận hôn nhân không hạnh phúc và đã đồng ý thuận tình ly hôn. Xét thấy, sự thuận tình ly hôn của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Lê N và anh Ngô T có 02 con chung là cháu Ngô V, sinh năm 2007 và cháu Ngô V1, sinh năm 2013. Tại biên bản lấy lời khai của cháu Ngô V và cháu Ngô V1 đều có nguyện vọng sống cùng với chị Lê N. Đồng thời, anh Ngô T đồng ý giao cho chị Lê N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê N và anh Ngô T đều khai không có.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; chi phí tố tụng: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 470, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê N và anh Ngô T.

2. Về con chung: Chị Lê N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Ngô V, sinh ngày 15/02/2007 và cháu Ngô V1, sinh ngày 21/3/2013; anh Ngô T không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Ngô T không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Lê N phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000384 ngày 20 tháng 02 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự

tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị Lê N được nhận lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Anh Ngô T phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Chi phí tố tụng: Dịch vụ bưu chính gửi văn bản tố tụng chị Lê N phải chịu là 654.000 đồng (Sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồng). Chị Lê N đã nộp xong.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày và bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trương Đình Nghệ**